

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 141/2020/HNGĐ - ST
Ngày: 21-8-2020
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Minh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp

Bà Nguyễn Thị Thanh

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lý Kim Yến – Là Thư ký
Toà án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai
tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 372/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đặng Hoàng P, sinh năm 1986.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1981.

Cùng địa chỉ: Tổ 11, Ấp 2, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

(Ông P và bà D vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/3/2020 và các lời khai tại hồ sơ, nguyên đơn ông Đặng Hoàng P trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị D xây dựng gia đình với nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã A, huyện L cấp giấy chứng nhận kết hôn số 22 ngày 14 tháng 02 năm 2011. Việc kết hôn do ông và bà D đều tự nguyện. Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị D. Nguyên nhân ông P yêu cầu ly hôn là do vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường xuyên bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi vã nhau. Ông và bà D đã sống ly thân từ tháng 01/2020 cho đến nay. Hiện ông P

xác định không còn tình cảm với bà D, không thể hàn gắn đoàn tụ nên ông yêu cầu được giải quyết ly hôn với bà D.

Về con chung: Ông P và bà D có 02 người con chung là cháu Đặng Nguyễn Phúc N, sinh ngày 22/11/2011 và Đặng Nguyễn Khôi N, sinh ngày 14/12/2015. Nếu ly hôn, ông P giao 02 con chung cho bà D nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông P khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông P đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định pháp luật.

Lời khai của bị đơn bà Nguyễn Thị D tại hồ sơ thể hiện:

Bà và ông P chung sống với nhau từ năm 2011 có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã A, huyện L cấp giấy chứng nhận kết hôn số 22 ngày 14 tháng 02 năm 2011, việc kết hôn do cả hai tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau. Bà và ông P đã sống ly thân từ tháng 01/2020 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân bà và ông P không bàn bạc đoàn tụ được. Nay bà không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông P vì bà còn tình cảm với ông P.

Về con chung: Bà D khai giữa bà và ông P có 02 con chung tên Đặng Nguyễn Phúc N, sinh ngày 22/11/2011 và Đặng Nguyễn Khôi N, sinh ngày 14/12/2015. Nếu ly hôn, bà đồng ý nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà D khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà D đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông P; giao 02 con chung là cháu Đặng Nguyễn Phúc N, sinh ngày 22/11/2011 và Đặng Nguyễn Khôi N, sinh ngày 14/12/2015 cho bà D nuôi dưỡng, bà D nuôi con không yêu cầu ông P cấp dưỡng nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Đặng Hoàng P, bị đơn bà Nguyễn Thị D có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, áp dụng Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Đặng Hoàng P và bà Nguyễn Thị D.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Đặng Hoàng P và bà Nguyễn Thị D xây dựng gia đình với nhau năm 2011 có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân

A, huyện L cấp giấy chứng nhận kết hôn số 22 ngày 14 tháng 02 năm 2011 nên được xem là hôn nhân hợp pháp theo Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Ông P xin ly hôn bà D với lý do vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường xuyên cãi vã nhau do bất đồng quan điểm sống. Ông và bà D đã sống ly thân từ tháng 01/2020 cho đến nay nhưng bà D không đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của ông P mà bà D mong muốn được đoàn tụ vì bà còn tình cảm với ông Phúc.

Xét quan hệ hôn nhân của ông P và bà D thì thấy rằng: Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự thể hiện ông P và bà D chung sống không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn từ năm 2017 và đã có thời gian sống ly thân từ tháng 01/2020 đến nay nhưng không thể hòa giải đoàn tụ để cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Do đó, có đủ cơ sở xác định ông P và bà D đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P, xử cho ông P được ly hôn với bà D là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Ông P và bà D có 02 người con chung là cháu Đặng Nguyễn Phúc N, sinh ngày 22/11/2011 và Đặng Nguyễn Khôi N, sinh ngày 14/12/2015. Ông P yêu cầu giao 02 con chung là cháu Phúc N, Khôi N cho bà D tiếp tục nuôi dưỡng và ông không cấp dưỡng nuôi 02 con, bà D cũng đồng ý. Xét thời gian qua bà D nuôi dưỡng các con tốt, cháu Phúc N đã trên 07 tuổi, qua tham khảo lời khai cháu Phúc N có nguyện vọng sống với bà D. Vì vậy, Hội đồng xét xử xử giao 02 con chung là cháu Phúc N, và Khôi N cho bà D tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bà D nuôi con không yêu cầu ông Phúc cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Ông Đặng Hoàng P phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 174, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000; Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” của ông Đặng Hoàng P đối với bà Nguyễn Thị D.

Xử cho ông Đặng Hoàng P được ly hôn với bà Nguyễn Thị D.

Về nuôi con chung: Giao 02 cháu tên Đặng Nguyễn Phúc N, sinh ngày 22/11/2011 và Đặng Nguyễn Khôi N, sinh ngày 14/12/2015 cho bà Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời ông P không cấp dưỡng nuôi con.

Ông P được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, nghĩa vụ cấp dưỡng và chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 84, Điều 110 và Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Ông Đặng Hoàng P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001510 ngày 05 tháng 6 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành. Ông P đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Ông P và bà D được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND huyện Long Thành (1);
- Chi cục THADS huyện Long Thành (1);
- UBND xã A (GCNKH số 22/2011) (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu (3).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Minh Thảo